TỈNH ỦY ĐẮK LẮK * Số 14 -NQ/TU	**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** *Đắk Lắk, ngày 15 tháng 10 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
về tăng cường các giải pháp giảm nghèo bền vững, hỗ trợ các xã, thôn, buôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026 - 2030

Đắk Lắk là tỉnh có vị trí chiến lược quan trọng của khu vực Tây Nguyên, có diện tích 18.096,40 km², dân số trên 3,3 triệu người, gồm 45 dân tộc cùng sinh sống; đồng bào dân tộc thiểu số khoảng 830 nghìn người, chiếm gần 25% dân số toàn tỉnh. Vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội của tỉnh.

Thời gian qua, công tác giảm nghèo và thực hiện chính sách dân tộc đạt nhiều kết quả tích cực; kết cấu hạ tầng từng bước được đầu tư, đời sống Nhân dân được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo giảm, quốc phòng, an ninh được giữ vững. Tuy nhiên, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi vẫn còn nhiều khó khăn. Cuối năm 2025, toàn tỉnh còn 22.717 hộ nghèo và 18.875 hộ cận nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số. Giai đoạn 2026 - 2030, tỉnh Đắk Lắk có 81 xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó 51 xã, 449 thôn, buôn đặc biệt khó khăn. Tại các xã, thôn, buôn đặc biệt khó khăn, tỷ lệ nghèo còn cao, kết cấu hạ tầng và điều kiện sản xuất chưa đáp ứng yêu cầu; tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất, nhà ở và hạn chế trong tiếp cận một số dịch vụ xã hội cơ bản còn phổ biến. Đây là những điểm nghẽn ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập, sinh kế và khả năng giảm nghèo bền vững.

Những hạn chế trên có nguyên nhân khách quan và chủ quan; trong đó, một bộ phận người dân còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại; việc phát huy nội lực, tinh thần tương trợ, giúp nhau phát triển chưa đồng đều; sản xuất còn thiếu liên kết; nguồn lực đầu tư còn phân tán; công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện ở một số địa phương chưa thật sự quyết liệt, chủ động, sáng tạo; việc huy động, lồng ghép và sử dụng nguồn lực chưa tạo được chuyển biến tương xứng với yêu cầu.

Trong giai đoạn 2026 - 2030, yêu cầu đặt ra là phải chuyển mạnh từ hỗ trợ đơn thuần sang tạo điều kiện để người dân tự vươn lên; từ đầu tư dàn trải sang tập trung, có trọng tâm, trọng điểm; từ giao nhiệm vụ chung chung sang quản lý theo kết quả, xác định rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ nguồn lực, rõ trách nhiệm, rõ kết quả. Đồng thời, thực hiện xuyên suốt mục tiêu giảm nghèo, nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống của Nhân dân trên phạm vi toàn tỉnh; tập trung nguồn lực

đưa toàn bộ 51 xã, 449 thôn, buôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn, bảo đảm kết quả thực chất, ổn định, bền vững.

Nhằm cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 15/5/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về công tác dân tộc và tôn giáo giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết về tăng cường các giải pháp giảm nghèo bền vững, hỗ trợ các xã, thôn, buôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026 - 2030, với các nội dung sau:

I- QUAN ĐIỂM

1. Giảm nghèo bền vững, nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống của Nhân dân gắn với hỗ trợ các xã, thôn, buôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; được thực hiện đồng bộ trên phạm vi toàn tỉnh, gắn chặt với giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Lấy người dân làm trung tâm, là chủ thể và đối tượng thụ hưởng của quá trình phát triển

2. Phát huy nội lực là chính, tự lực, tự cường là yếu tố quyết định; lấy tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái, giúp nhau cùng phát triển làm động lực quan trọng. Tập trung thay đổi cách nghĩ, cách làm, khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại; khơi dậy ý chí tự vươn lên thoát nghèo của người dân, nhất là thông qua phát triển kinh tế hộ gia đình, mô hình sinh kế, vườn mẫu, hộ gia đình tiêu biểu và các cách làm hiệu quả. Nhà nước và xã hội hỗ trợ, đồng hành, tạo điều kiện để người dân tự chủ và phát triển bền vững.

3. Tập trung nguồn lực có trọng tâm, trọng điểm, đúng địa bàn, đúng đối tượng, đúng nhu cầu, theo lộ trình cụ thể; đề cao trách nhiệm, tính chủ động, quyết liệt, sáng tạo của cấp ủy, chính quyền địa phương, nhất là người đứng đầu; thực hiện hiệu quả phương châm *"Nhà nước và Nhân dân cùng làm"*, huy động sức mạnh của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp, cộng đồng và toàn xã hội để tạo chuyển biến thực chất, bền vững.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, đưa 51 xã, 449 thôn, buôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn theo quy định; giảm nghèo bền vững, nâng cao thu nhập, cải thiện sinh kế và đời sống Nhân dân; từng bước giải quyết các nhu cầu thiết yếu về nhà ở, đất ở, đất sản xuất; nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các địa bàn. Củng cố hệ thống chính trị cơ sở, phát huy năng lực tự phát triển của người dân, giữ vững quốc phòng, an ninh và ổn định chính trị.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

2.1. Đẩy mạnh giảm nghèo, phát triển sinh kế, tạo việc làm, nâng cao thu nhập; ưu tiên hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và hộ đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn.

2.2. Tập trung nguồn lực hoàn thành các tiêu chí còn thiếu của 51 xã, 449 thôn, buôn đặc biệt khó khăn, ưu tiên các tiêu chí tác động trực tiếp đến đời sống, sản xuất và khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản của người dân. Đến năm 2030, hoàn thành các tiêu chí theo quy định, làm cơ sở đưa toàn bộ 51 xã, 449 thôn, buôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn. Cụ thể:

(1) Có 42 xã và 303 thôn, buôn hoàn thành tiêu chí về tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện, đạt 100%.

(2) Có 07 xã hoàn thành tiêu chí về đường giao thông xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, bảo đảm ô tô đi lại thuận tiện quanh năm; 292 thôn, buôn hoàn thành tiêu chí về đường giao thông thôn, liên thôn được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, bảo đảm ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.

(3) Có 03 xã hoàn thành tiêu chí về y tế xã đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và khả năng tiếp cận các dịch vụ y tế thiết yếu.

(4) Có 18 xã hoàn thành tiêu chí về tỷ lệ trường học các cấp đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 theo quy định, nâng cao điều kiện cơ sở vật chất trường, lớp học, nhất là tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

(5) Có 23 xã hoàn thành tiêu chí về nhà ở nội trú, đáp ứng nhu cầu chỗ ở cho học sinh, góp phần duy trì sĩ số và nâng cao chất lượng giáo dục.

(6) Có 33 xã hoàn thành tiêu chí về Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã đạt chuẩn theo quy định, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao của Nhân dân.

(7) Có 16 xã hoàn thành tiêu chí về tỷ lệ thôn có dịch vụ truy nhập internet di động hoặc internet băng rộng cố định đạt 100%, nâng cao khả năng tiếp cận thông tin và dịch vụ số của người dân.

(8) Có 16 xã hoàn thành tiêu chí về hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn.

2.3. Cơ bản giải quyết nhu cầu về nhà ở, đất ở, đất sản xuất và các nhu cầu thiết yếu khác theo quy định, phù hợp điều kiện và khả năng nguồn lực.

2.4. Nâng cao năng lực hệ thống chính trị cơ sở, phát huy vai trò chủ thể của người dân; bảo đảm kết quả giảm nghèo và kết quả ra khỏi diện đặc biệt khó khăn được duy trì ổn định, bền vững sau năm 2030.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện

1.1. Các cấp ủy, tổ chức đảng xác định giảm nghèo bền vững gắn với đưa xã, thôn, buôn đặc biệt khó khăn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn là nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030; đưa mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết vào nghị quyết, chương trình, kế hoạch công tác hằng năm. Phân công rõ trách nhiệm, tiến độ, kết quả; phát huy trách nhiệm của người đứng đầu; tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

1.2. Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương; thường xuyên rà soát, cập nhật kết quả theo từng xã, thôn, buôn và từng tiêu chí; kịp thời điều chỉnh nhiệm vụ, giải pháp và nguồn lực phù hợp. Gắn kết quả giảm nghèo, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống và hoàn thành các tiêu chí ra khỏi diện đặc biệt khó khăn với trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ.

2. Thay đổi nếp nghĩ, cách làm, phát huy vai trò chủ thể của người dân

2.1. Tổ chức Cuộc vận động *"Thay đổi nếp nghĩ, cách làm, phát huy nội lực vươn lên thoát nghèo bền vững"*, nâng cao ý thức tự lực, chủ động phát triển sản xuất, sử dụng hiệu quả đất đai, vốn đầu tư và các nguồn lực được hỗ trợ; từng bước chuyển từ sản xuất tự cung, tự cấp sang sản xuất hàng hóa phù hợp với điều kiện và nhu cầu thị trường.

2.2. Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, vận động theo hướng thiết thực, dễ hiểu, phù hợp với đặc điểm văn hóa, phong tục, tập quán của từng dân tộc; tăng cường hướng dẫn trực tiếp về kỹ thuật sản xuất, quản lý kinh tế hộ gia đình, lựa chọn sinh kế, đào tạo nghề, tạo việc làm. Phát huy vai trò của già làng, trưởng thôn, người có uy tín, chức sắc, chức việc tôn giáo, cán bộ cơ sở và các tổ chức chính trị - xã hội; nhân rộng mô hình hiệu quả, hộ gia đình vươn lên giảm nghèo bền vững.

2.3. Bảo đảm người dân tham gia xác định nhu cầu, lựa chọn nội dung hỗ trợ, tổ chức thực hiện và giám sát; phát huy nội lực cộng đồng, nâng cao năng lực tự phát triển và trách nhiệm duy trì kết quả. Gắn giảm nghèo, nâng cao đời sống với củng cố hệ thống chính trị cơ sở, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, bảo đảm quốc phòng, an ninh và ổn định xã hội trên địa bàn.

3. Phát triển sản xuất, tạo sinh kế, nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững

3.1. Khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của từng địa bàn; đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu sản xuất phù hợp với điều kiện tự nhiên, thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển vùng sản xuất hàng hóa, sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP; củng cố hợp tác xã, tổ hợp tác; tăng cường liên kết giữa người dân với doanh nghiệp trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

3.2. Tập trung hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và hộ đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn phát triển sinh kế, tiếp cận tín dụng, khoa học kỹ thuật, giống, vật tư sản xuất phù hợp; đẩy mạnh đào tạo nghề, tư vấn, giới thiệu việc làm, tạo việc làm tại chỗ và ngoài địa phương. Gắn phát triển sản xuất với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, phát triển ngành nghề nông thôn và các loại hình du lịch phù hợp.

3.3. Thực hiện đồng bộ các chính sách giảm nghèo; rà soát, phân loại nguyên nhân nghèo để có giải pháp phù hợp với từng nhóm hộ, từng địa bàn; ưu tiên giải pháp tạo sinh kế, việc làm và thu nhập, hạn chế tái nghèo và phát sinh hộ nghèo mới. Gắn kết quả giảm nghèo với việc hoàn thành các tiêu chí đưa xã, thôn, buôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn.

4. Hoàn thiện kết cấu hạ tầng, giải quyết các nhu cầu thiết yếu

4.1. Tập trung nguồn lực hoàn thành các tiêu chí còn thiếu của 51 xã, 449 thôn, buôn đặc biệt khó khăn; ưu tiên giao thông, điện, nước sinh hoạt, thủy lợi, trường học, y tế, thiết chế văn hóa, hạ tầng thông tin và công trình phục vụ sản xuất, đời sống. Ưu tiên địa bàn khó khăn nhất, còn nhiều tiêu chí chưa đạt và các công trình có khả năng hoàn thành theo từng giai đoạn; khắc phục đầu tư dàn trải, manh mún.

4.2. Gắn đầu tư xây dựng với sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình. Đối với công trình quy mô nhỏ, thiết thực, phát huy phương châm *"Nhà nước và Nhân dân cùng làm"* trên cơ sở tự nguyện, phù hợp điều kiện từng địa bàn, từng hộ; quy định rõ nội dung, mức đóng góp và trách nhiệm của các bên, bảo đảm công khai, minh bạch, không tạo gánh nặng đối với hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn. Phát huy vai trò của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong vận động, tổ chức thực hiện và giám sát.

4.3. Tập trung giải quyết nhu cầu nhà ở, đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định và khả năng nguồn lực; ưu tiên hộ nghèo, hộ thiếu đất ở, đất sản xuất có nhu cầu thực tế. Gắn bố trí đất với ổn định dân cư, phát triển sinh kế, tạo việc làm và giảm nghèo bền vững; bảo đảm đúng đối tượng, đúng quy hoạch, trình tự, thủ tục; hạn chế phát sinh tranh chấp, chồng lấn, sử dụng đất sai mục đích.

5. Huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực

5.1. Lồng ghép, sử dụng hiệu quả nguồn lực từ ngân sách nhà nước, các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, chính sách, dự án và các nguồn vốn hợp pháp khác; đồng thời huy động sự tham gia của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và cộng đồng. Ưu tiên cho giảm nghèo, tăng thu nhập, giải quyết nhà ở, đất ở, đất sản xuất và hoàn thành các tiêu chí còn thiếu.

5.2. Phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong kết nối, huy động nguồn lực xã hội; phát động Phong trào *"Cán bộ, đảng viên, Nhân dân nhận đỡ đầu hộ nghèo"*; đẩy mạnh kết nghĩa, đỡ đầu, hỗ trợ có địa chỉ. Khuyến khích cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và cộng đồng hỗ trợ phù hợp với nhu cầu, điều kiện từng địa bàn, từng hộ, ưu tiên sinh kế, nhà ở, đào tạo nghề, tạo việc làm, chuyển giao kỹ thuật và công trình thiết yếu.

5.3. Tăng cường phối hợp, lồng ghép, khắc phục phân tán, chồng chéo; quản lý, phân bổ và sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng đối tượng, công khai, minh bạch. Tập trung nguồn lực giải quyết dứt điểm từng tiêu chí, nhóm hộ, công trình, tạo chuyển biến rõ nét tại từng địa bàn.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết; ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết về tăng cường các giải pháp giảm nghèo bền vững, hỗ trợ các xã, thôn, buôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026 - 2030.

2. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành kế hoạch thực hiện giai đoạn 2026 - 2030 và kế hoạch hằng năm; xác định rõ mục tiêu, địa bàn, nhiệm vụ, nguồn lực, tiến độ và trách nhiệm thực hiện theo từng năm, từng xã, thôn, buôn, bảo đảm nguyên tắc *"6 rõ"*; chủ động điều chỉnh kế hoạch khi tình hình thay đổi, đảm bảo không làm thay đổi mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết. Tổ chức sơ kết giữa kỳ vào năm 2028 và tổng kết vào năm 2030.

Xây dựng phụ lục theo dõi tiến độ thực hiện, trong đó xác định rõ hồ sơ, nhiệm vụ của từng xã, thôn, buôn; thời hạn hoàn thành từng tiêu chí; cơ quan, đơn vị và cá nhân chịu trách nhiệm đối với từng nhiệm vụ.

Chỉ đạo rà soát, lồng ghép các chương trình, dự án, nguồn vốn; bảo đảm nguồn lực đầu tư công trung hạn và nguồn chi thường xuyên được bố trí phù hợp; xác định rõ nguồn vốn Trung ương, ngân sách địa phương, nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác theo từng nhiệm vụ, từng địa bàn, từng năm.

Chỉ đạo xây dựng cơ chế thực hiện *"Nhà nước và Nhân dân cùng làm"*; xác định rõ trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền địa phương; cơ chế đóng góp, tỷ lệ đối ứng hoặc mức đóng góp phù hợp từng loại công trình; bảo đảm công khai, dân chủ, tự nguyện, phù hợp với khả năng của người dân, không tạo gánh nặng cho hộ nghèo.

3. Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh kịp thời xem xét, quyết định các cơ chế, chính sách và nguồn lực thuộc thẩm quyền;

ưu tiên các nhiệm vụ cấp thiết, có tác động trực tiếp đến giảm nghèo, nâng cao thu nhập, hoàn thiện hạ tầng và đưa xã, thôn, buôn ra khỏi diện đặc biệt khó khăn. Tăng cường giám sát việc thực hiện Nghị quyết, tập trung vào kết quả, hiệu quả sử dụng nguồn lực và tiến độ hoàn thành mục tiêu.

4. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp, tổng hợp, theo dõi, tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo thực hiện Nghị quyết đạt kết quả.

Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy phối hợp với Đảng ủy UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí, truyền thông tuyên truyền, lan tỏa rộng rãi về Cuộc vận động *"Thay đổi nếp nghĩ, cách làm, phát huy nội lực vươn lên thoát nghèo bền vững"*, nhất là các mô hình mẫu, gương điển hình, cách làm hiệu quả tại các địa phương, cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

5. Đảng ủy các xã có địa bàn thuộc phạm vi Nghị quyết trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện trên địa bàn; cụ thể hóa Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành nghị quyết, kế hoạch hằng năm; phân công rõ trách nhiệm, thường xuyên rà soát tiến độ từng nhiệm vụ, tiêu chí; kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Phát huy phương châm *"Cấp ủy lãnh đạo, chính quyền tổ chức thực hiện, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội vận động, Nhân dân tham gia, người đứng đầu chịu trách nhiệm"*; chủ động triển khai cơ chế kết nghĩa, đỡ đầu; tổ chức vận động hộ khá giúp hộ nghèo; cán bộ, đảng viên giúp hộ nghèo và thực hiện phương châm *"Nhà nước và Nhân dân cùng làm"*; phân công rõ cấp ủy viên, cán bộ, cơ quan, đơn vị phụ trách từng thôn, buôn, từng nhóm hộ, từng tiêu chí và từng nhiệm vụ. Định kỳ tổ chức các *"chiến dịch ra quân"*, ngày ra quân, đợt cao điểm, ngày công cộng đồng để tạo khí thế thi đua, huy động sức dân, doanh nghiệp, tổ chức và các lực lượng tham gia.

6. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tỉnh lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội chủ trì phát động Phong trào *"Cán bộ, đảng viên, Nhân dân nhận đỡ đầu hộ nghèo"*; Cuộc vận động *"Thay đổi nếp nghĩ, cách làm, phát huy nội lực vươn lên thoát nghèo bền vững"*; huy động nguồn lực hỗ trợ có địa chỉ, ưu tiên sinh kế, việc làm, nhà ở, đất ở, đất sản xuất, giáo dục, y tế, đào tạo nghề và các nhu cầu thiết yếu; kết nối các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đồng hành, kết nghĩa, đỡ đầu, hỗ trợ các xã, thôn, buôn đặc biệt khó khăn.

Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia thực hiện Nghị quyết; phát huy tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, hỗ trợ nhau giảm nghèo; thực hiện giám sát, phản biện xã hội. Định kỳ biểu dương, tôn vinh các tập thể, cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình tiêu biểu; kịp thời nhân rộng mô hình hay, cách làm hiệu quả.

7. Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy viên phụ trách địa bàn trực tiếp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết tại địa bàn được phân công; chủ động nắm tình hình, chỉ đạo tháo gỡ khó khăn và kịp thời báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý những vấn đề vượt thẩm quyền. Phát huy vai trò kết nối giữa địa phương với cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân để huy động nguồn lực hỗ trợ có địa chỉ; thúc đẩy cơ chế kết nghĩa, đỡ đầu giữa các địa phương có điều kiện với địa bàn khó khăn.

8. Chế độ thông tin, báo cáo: Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 06 tháng, hằng năm và báo cáo đột xuất khi cần thiết, gửi về Đảng ủy UBND tỉnh để nắm tình hình, tổng hợp báo cáo chung của tỉnh và báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh theo quy định. Nội dung báo cáo phải phản ánh rõ tiến độ, kết quả thực hiện mục tiêu, tiêu chí, nhiệm vụ; tình hình huy động, sử dụng nguồn lực; kết quả các phong trào, mô hình; khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương và người đứng đầu; kiến nghị, đề xuất giải pháp xử lý. Định kỳ biểu dương, tôn vinh, khen thưởng các tập thể, cá nhân, hộ gia đình điển hình có thành tích, cách làm hay, hiệu quả trong giảm nghèo bền vững.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy định kỳ tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện; lấy kết quả thực hiện mục tiêu của Nghị quyết làm một trong những căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương và người đứng đầu.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc tổ chức thực hiện Nghị quyết; phát huy tinh thần chủ động, trách nhiệm, phối hợp chặt chẽ, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu đề ra.

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TỈNH ỦY ĐẮK LẮK

Lương Nguyễn Minh Triết

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Các vụ địa phương, cơ quan thường trực các ban Đảng Trung ương theo dõi địa bàn;

(b/cáo)

- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Các CQCT tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- UBMTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên;
- Lãnh đạo Văn phòng Tỉnh ủy;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.